

Bản án số: 23/2021/HSST.

Ngày: 08/4/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

2. Ông **Trần Văn Nhu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Đình Văn Thông** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08/4/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2021/TLST- HS ngày 26/02/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST- HS , ngày 23/3/2021 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1995; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp Phụng Đức A, xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; dân tộc : kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch : Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Mai sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm : 1971; bị cáo có ch là Cao Văn H, sinh năm 1993 cùng là bị cáo trong vụ án và có 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2020 cho đến nay.(Bị cáo có mặt).

2- Cao Văn H, sinh năm: 1993; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp Phụng Đức A, xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc : kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch : Việt Nam; Con ông Cao Văn Hai, sinh năm: 1964 và bà Trần T H, sinh năm : 1968; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995 cùng là bị cáo trong vụ án và có 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2020 cho đến nay.(Bị cáo có mặt).

I- Bị hại: Chị **Phạm Thị Cẩm T**, sinh năm 1994.(chết).

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1- Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1958.(có mặt).

2- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960.(có mặt).

Cùng cư trú tại : Ấp An Hòa, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

II- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Cháu **Phạm Thị Ánh N**, sinh năm 2014.

Đại diện là chị Nguyễn Thị N G, sinh năm 1991.

2- Chị **Nguyễn Thị N G**, sinh năm 1991.

Cùng cư trú tại : Ấp An Thạnh , xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

3- Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1974. Cư trú tại: ấp Mỹ Tường B, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt).

4- Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp 3, thị trấn Y, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt).

III- Người làm chứng:

1- Bà **Trần T H** , sinh năm: 1968. Nơi cư trú: ấp Phụng Đức A, xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.(có mặt).

2- Anh **Bùi Thanh Đ** , sinh năm: 1993. Cư trú tại: ấp 3, thị trấn Y, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt).

3- Bà **Nguyễn Thị C** , sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp Mỹ Lộc 2, xã Y, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Cao Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Cao Văn H là vợ chồng. Cả hai có tài sản chung là xe mô tô biển số 71C1-155.14 do bị cáo H là người đứng tên giấy đăng ký chứng nhận sở hữu và quản lý, sử dụng. Bị cáo H biết rõ bị cáo T chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật nhưng đã nhiều lần giao xe mô tô biển số 71C1-155.14 cho bị cáo T sử dụng. Sáng ngày 08/10/2019, bị cáo H tiếp tục giao chìa khóa và xe mô tô biển số 71C1-155.14 cho bị cáo T để điều khiển về nhà mẹ ruột ở ấp An Hòa, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Trên đường đi thì chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1994, thường trú ấp An Hòa, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang gọi điện thoại rủ bị cáo T đi uống nước nên bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 71C1-155.14 đến ngã tư Văn Cang ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang để rước chị T. Bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 71C1-155.14 chở chị T lưu thông trên Quốc lộ 1 theo hướng Mỹ Tân – Trung Lương. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường xuống dốc cầu An Cư, tại Km 2006 +950 mét quốc lộ 1, Tộc ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, bị cáo T nhìn thấy chị Nguyễn Thị N G, sinh năm 1991, thường trú ấp An Thạnh, xã Y điều khiển xe mô tô biển số 63B1-707.05 chở con là Phạm Thị Ánh N, sinh năm 2014, thường trú cùng địa chỉ đang dừng phía trước do va chạm với một xe mô tô do một người điều khiển (không rõ họ tên và biển số xe). Lúc này, mặc dù gặp chồng ngại vật là xe mô tô biển số 63B1-707.05 do chị G điều khiển đang dừng cùng chiều phía trước nhưng bị cáo T không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn mà lại tiếp tục điều khiển xe lưu thông làm tay cầm và tay thắng bên phải xe mô tô biển số 71C4-155.14 va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô biển số 63B1-707.05 làm cả hai xe ngã. Chị T té ngã ra trái đường nên bị ô tô biển số 83B-008.61 do anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974, thường trú ấp Mỹ Tường B, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng lưu thông phía sau, cùng chiều cán qua người làm chị T chết tại hiện trường.(Bút lục: 116 – 119; 124 – 125; 132 – 159; 195 - 202)

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lúc 11 giờ 10 phút ngày 08/10/2019, ghi nhận:

Tình trạng hiện trường thời điểm khám nghiệm: Hiện trường bị xáo trộn do quá trình giải phóng mặt đường, cấp cứu nạn nhân.

Hiện trường của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có đặc điểm: Đường thẳng được trải nhựa bằng phẳng, hiện trường vụ tai nạn theo H Trung Lương đi Mỹ Tân xuống dốc cầu An Cư. Ở giữa đường có hai vạch sơn liên tục chia mặt đường thành hai chiều xe chạy. Mặt đường mỗi bên rộng 5,05m, hai bên có hai dải hộ lan bằng sắt.

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

- Chọn H đi từ Trung Lương đi Mỹ Tân làm H đi chính và lề đường bên phải làm mép chuẩn.

- Gọi (A) là biển báo nguy hiểm giao nhau đường không ưu tiên bên phải làm điểm chuẩn. Từ chân biển báo kéo vuông góc ra mép chuẩn là 1,05m.

Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, P tiện, tang vật, dấu vết:

- Số 1: là vị trí xe ô tô khách 83B1-008.61 dừng sau tai nạn. Xe quay theo H đi chính, đầu xe quay về H Mỹ Tân. Từ trục trước bên phải kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,25m và kéo đến điểm chuẩn (A) là 16,30m. Đuôi xe quay về H Trung Lương. Từ trục sau bên phải xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,10m.

- Số 2: là vị trí nạn nhân nằm sau tai nạn, nạn nhân nằm sấp. Đầu H về Mỹ Tân. Từ đỉnh đầu nạn nhân kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,20m và kéo đến trục sau bên phải xe 83B-008.61 là 16,90m. Hai chân nạn nhân duỗi về H Trung Lương. Từ giữa hai chân kéo vuông góc vào mép chuẩn là 2,90m. Từ giữa thân người nạn nhân có nhiều vết máu, mô óc văng ra H vào lề đường bên phải hơi chệch về H Mỹ Tân dài 2,80m rộng 0,40m.

- Số 3: là vị trí xe mô tô 71C4-155.14 ngã qua trái sau tai nạn. Đầu xe quay vào lề đường bên phải hơi chệch về H Mỹ Tân. Từ trục trước xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 0,90m. Đuôi xe quay qua trái đường hơi chệch về H Trung Lương. Từ trục sau xe kéo vuông góc vào mép chuẩn là 1,70m và kéo đến giữa hai chân nạn nhân là 1,45m.

- Số 4: là vết cày thứ nhất của xe mô tô 71C4-155.14 để lại trên mặt đường sau tai nạn đứt quãng cày theo H đi chính dài 2,80m. Từ đầu vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 1,70m. Cuối vết nằm ngay đầu gót chân trước bên trái xe mô tô 71C4-155.14.

- Số 5: là vết cày thứ hai xe mô tô 71C4-155.14 để lại trên mặt đường sau tai nạn đứt quãng cày theo H đi chính dài 2,20m. Từ đầu vết kéo vuông góc vào mép chuẩn là 2,15m. Cuối vết nằm ngay đầu tay cầm ghi đông bên trái xe mô tô 71C4-155.14. (Bút lục: 17 - 18)

Theo biên bản khám nghiệm P tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông lúc 10 giờ 05 phút ngày 08/10/2019 ghi nhận:

Khám nghiệm xe mô tô biển số 63B1-707.05 ghi nhận các dấu vết sau:

- Mặt nạ xe phía trước, bên phải, ở vị trí trên đèn chiếu sáng phải có vết trầy xước, tróc sơn;

- Chụp cao su đầu tay cầm ghi Đ trái bên;

- Cao su bọc tay cầm ghi Đ trái sạch bụi. (Bút lục: 15 - 16)

Theo biên bản khám nghiệm P tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông lúc 10 giờ 25 phút ngày 08/10/2019 ghi nhận:

Khám nghiệm xe mô tô 71C4-155.14 ghi nhận các dấu vết sau:

- Cạnh bên phải, mặt ngoài, phía sau cùng của khung nâng xe trầy xước;
- Yếm trên chụp đèn báo hãm phanh, phía sau xước, mài mòn, tróc sơn;
- Cản bắt gương chiếu hậu bên trái gãy, xước, mài mòn;
- Mỏ về chắn bùn trước của bánh xe trước xước, tróc sơn;
- Mặt lặn lốp trước cháy cao su do mài mòn;
- Ngay vị trí khớp nối giữa tay thắng với pas bắt có dính mảnh nhựa làm kẹt tay thắng làm bánh xe không lặn được. Sau khi T mảnh nhựa, tay thắng hoạt động bình thường, bánh xe lặn bình thường. (Bút lục: 13 - 14)

Theo biên bản khám nghiệm P tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông lúc 10 giờ 45 phút ngày 08/10/2019 ghi nhận:

Khám nghiệm xe ô tô khách 83B-008.61 ghi nhận các dấu vết sau:

- Hồng xe bên phải có vết trầy xước, tróc sơn không liên tục từ trước ra sau dài 2,80m, đầu vết cách mặt đường 68,00 xentimét và cách tay cầm mở cửa hãm xe bên hông phải thứ 2 từ trước ra sau là 12 xentimét;

- Lốp sau bên phải, lốp ngoài, mặt ngoài có dính chất dịch, mô não kích thước (63 x 23) xentimét, T vết ở ngay vị trí số 01 trong dãy chữ số 12R22.5S và có vết xước cao su kích thước (17 x 10) xentimét, T vết ở ngay vị trí chữ F trong dãy chữ BFGoodrich;

- Lốp sau bên phải, lốp ngoài, mặt ngoài có vết xước tròn theo mặt lốp.

- Mặt lặn lốp sau bên phải dính vải sợi. (Bút lục: 11 - 12)

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 147/PY-PC09 ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận chị Phạm Thị Cẩm T chết do vỡ nát xương hộp sọ; mất toàn bộ nhu mô não do tai nạn giao thông.

Đối với Nguyễn Văn P tài xế xe ô tô khách biển số 83B-008.61 quá trình điều tra có căn cứ xác định việc P lái xe cán qua người Phạm Thị Cẩm T dẫn đến tử vong là do sự kiện bất ngờ, do đó không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe ô tô khách biển kiểm soát 83B-008.61;
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 63B1-707.05;
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C4-155.14;
- 01 bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 83B-008.61;
- 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ Tật và bảo vệ môi trường xe ô tô 83B-008.61;
- 01 giấy phép lái xe hạng E, số 940033004841, giá trị đến 22/6/2023 của Nguyễn Văn P;
- 01 giấy biên nhận thể chấp giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 83B-008.61;
- Mảnh nhựa màu đen, kích thước (1,6 x 1,4)cm kẹt ở tay hãm phanh trước bên phải của xe mô tô 71C4-155.14.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 71C4-155.14 do Cao Văn H đứng tên sở hữu;

- Tiền Việt Nam 12.000.000 đồng do Cao Văn H nộp để bồi thường khắc phục hậu quả cho phía bị hại.

Ngày 15/10/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả tài sản cho ông Bùi Thanh H 01 xe ô tô biển kiểm soát 83B – 008.61, giấy biên nhận thể chấp ngân hàng, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ Thuật và bảo vệ môi trường P tiện giao thông cơ giới đường bộ và bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô biển kiểm soát 83B-008.61; trao trả cho Nguyễn Văn P 01 giấy phép lái xe ô tô tên Nguyễn Văn P; trao trả cho Nguyễn Thị N G 01 xe ô tô biển kiểm soát 63B1-707.05. (Bút lục: 03 – 08; 10; 163 – 168).

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Bùi Thanh H là chủ sở hữu xe ô tô 83B – 008.61 đã hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng nên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H là cha mẹ của bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với ông H, chị Nguyễn Thị N G cũng không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại. Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H là cha mẹ của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSCB ngày 23/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo Cao Văn H về tội “ Giao người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 264 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự và bị cáo Cao Văn H về tội “ Giao người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 264 Bộ luật Hình sự.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội Tộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định....”

Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ

“1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển P tiện tham

gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác Tộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Làm chết người... ”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điều 65, điểm b,n, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/ 2018 /NQ- HĐT ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, H dẫn điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 02 năm tù đến 03 năm tù, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 và điều 36 Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo Cao Văn H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Giao người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ ”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

- Tịch T tiêu hủy: Mảnh nhựa màu đen, kích thước(1,6 x 1,4) cm kẹt ở tay hãm phanh trước bên phải của xe mô tô 71C4- 155.14.

- Trao trả cho bị cáo Cao Văn H: Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 71C4- 155.14 do Cao Văn H đứng tên sở hữu; xe mô tô biển kiểm soát 71C4- 155.14 và số tiền 12.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N G không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Thanh T bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Cái Bè, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng . Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]-Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và bị cáo Cao Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa và đúng với bản Cáo trạng số 17/CT-VKSCB ngày 23/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo tại phiên tòa là vào khoảng 09 giờ, ngày 08/10/2019, tại Km 2006+950m quốc lộ 1, đoạn xuống dốc cầu An Cư Tộc ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T chưa được cấp giấy phép lái xe mô tô theo quy

định, đã điều khiển xe mô tô biển số 71C1-155.14 chở chị Phạm Thị Cẩm T, va chạm với xe mô tô biển số 63B1-707.05 do chị G điều khiển đang dừng cùng chiều phía trước làm cả hai xe ngã. Chị T té ngã ra trái đường nên bị ô tô biển số 83B-008.61 do anh Nguyễn Văn P điều khiển lưu thông cùng chiều phía sau chạy tới cán qua người chị T, hậu quả chị T chết tại hiện trường.

Bị cáo Cao Văn H mặc dù biết rõ bị cáo Nguyễn Thị Thanh T chưa được cấp giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 71C1-155.14 cho bị cáo T điều khiển tham gia giao thông đường bộ dẫn đến tai nạn, hậu quả làm chết người.

Lỗi dẫn đến tai nạn là do bị cáo Nguyễn Thị Thanh T chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, điều khiển xe mô tô khi gặp cH ngại vật nhưng không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn dẫn đến tai nạn. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và khoản 9, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Lỗi của của bị cáo Cao Văn H là mặc dù biết bị cáo T chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định pháp luật nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 71C1-155.14 cho bị cáo T điều khiển gây tai nạn. Hành vi của bị cáo Cao Văn H đã vi phạm khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 147/PY-PC09 ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận chị Phạm Thị Cẩm T chết do vỡ nát xương hộp sọ; mất toàn bộ nhu mô não do tai nạn giao thông.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng và xâm phạm đến sức khỏe tính mạng của người dân khi tham gia lưu thông trên đường. Hơn nữa trong thời gian gần đây tình hình vi phạm luật giao thông đường bộ có chiều H gia tăng, hầu hết các vụ tai nạn xảy ra là do người điều khiển P tiện giao thông không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát và không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn tham gia giao thông. Nên cần xử lý các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[3]-Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả nhưng do đại diện bị hại không yêu cầu và đại diện bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và có nhân thân tốt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ khi phạm tội là đang mang thai theo điểm n khoản 1 điều 51 và bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu Tội trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]- Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của người bị hại và chị Nguyễn Thị N G không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]- Xét thấy bị cáo H và gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn khấu trừ T nhập cho bị cáo H.

[7]-Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh, mức hình phạt , xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]- Về án phí: Bị cáo T và bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và bị cáo Cao Văn H phạm tội “ Giao người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ ”.

1- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T:

- Áp dụng: Điểm a khoản 2 điều 260, điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 điều 51 và điều 65 Bộ Luật hình sự.

Nghị quyết số 02/ 2018 /NQ- HĐT ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, H dẫn điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 03(ba) năm tù về tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Đối với bị cáo Cao Văn H:

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 264, điểm i,s khoản 1, 2 điều 51 và điều 36 Bộ Luật hình sự .

- Xử phạt: Bị cáo Cao Văn H 01(một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Giao người không đủ điều kiện điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Cao Văn H. Miễn việc khấu trừ T nhập cho bị cáo Cao Văn H.

Giao bị cáo Cao Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Cao Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3- Vật chứng: Áp dụng điều 46, điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

- Tịch T tiêu hủy: Mảnh nhựa màu đen, kích thước(1,6 x 1,4) cm kẹt ở tay hãm phanh trước bên phải của xe mô tô 71C4- 155.14.

- Trao trả cho bị cáo Cao Văn H:

+ Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 71C4- 155.14 do Cao Văn H đứng tên sở hữu;

+ Xe mô tô biển kiểm soát 71C4- 155.14.

+ Tiền Việt Nam là 12.000.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được lưu giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Theo quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKSCB ngày 23/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4- Án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Cao Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

5- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Cao Văn H, ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thị N G, cháu Phan Thị cẩm T và ông Bùi Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm . Anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS.H Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Trương Việt Chương

